

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đào Văn P, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1983 tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú, nơi ở: Số 11B/17 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Thạc và bà Hoàng Thị Thanh; có vợ là Cao Thị Hiền và 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: Có 01 tiền án đã được xóa án tích là Bản án số 35/2006/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị tạm giữ từ ngày 07 tháng 01 năm 2024 đến ngày 13 tháng 01 năm 2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bùi Quang K, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2005 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn CC, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ

học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang K và bà Văn Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07 tháng 01 năm 2024 đến ngày 13 tháng 01 năm 2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L Việt Nam; địa chỉ trụ sở chính: Khu Tiểu Trà, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Việt H, Trưởng Phòng hành chính nhân sự Công ty Trách nhiệm hữu hạn L Việt Nam; địa chỉ: A 2, H, S, H, Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Đào Văn H, địa chỉ: Thôn 1, D, K, Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Nguyễn Duy P, địa chỉ: Thôn 2, D, K, Hải Phòng; địa chỉ: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Văn P là lái xe của Công ty TNHH thương mại và vận tải T, khoảng 09 giờ 00 ngày 03/01/2024, P điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15C - 182.18 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 103.83 đến Công ty TNHH L Việt Nam (gọi tắt là Công ty L) ở khu T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Tại đây P để lại rơ moóc có chứa thùng đựng hàng (thùng không) cạnh kho của Công ty L rồi đi vào phía trong gặp Bùi Quang K là công nhân lái xe nâng của Công ty L. Do P thường xuyên chở hàng cho Công ty L nên quen biết K từ trước. Tại đây K nói với P “*sắp tết rồi có làm vụ lấy tiền tiêu không*”, P hiểu ý K rủ trộm cắp tài sản nên đồng ý. P chỉ cho K biết chỗ để rơ moóc để khi nào K lấy được tài sản thì cất giấu vào đó cho P chở ra ngoài tiêu thụ. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, khi công nhân nghỉ trưa, K điều khiển xe nâng vào kho hàng của Công ty L nâng một cao bản bằng gỗ bên trên có 30 bao hạt nhựa gồm 28 bao hạt nhựa PP, 02 bao hạt nhựa MEBS đi vòng lỏi cửa sau cất giấu vào thùng chứa hàng trên rơ moóc. Sau đó K thông báo cho P biết. P điều khiển xe ô tô kéo theo rơ moóc chở toàn bộ tài sản K vừa trộm cắp được của Công ty L đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Duy P bán cho anh Đào Văn H (là người thu mua hàng giúp anh Phước) tổng 30 bao hạt nhựa với giá 9.700.000 đồng, số tiền này P chuyển cho K 5.500.000 đồng còn lại P giữ 4.200.000 đồng. Sau khi Công ty L phát hiện bị mất tài sản đã trình báo Công an phường H, quận D. Ngày 06/01/2024, Đào Văn P và Bùi Quang K đến Công an phường H đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 07/01/2024 anh Nguyễn Duy P, Đào Văn H đã giao nộp toàn bộ 30 bao hạt nhựa cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận D, kết luận: 28 bao hạt nhựa PP trọng lượng 25kg được đóng gói theo nhà sản xuất có giá 22.187.200 đồng, 02 bao hạt nhựa MEBS trọng lượng 25 kg được đóng gói theo nhà sản xuất có giá 2.516.000 đồng. Tổng giá trị 24.703.200 đồng.

Tại Cơ quan điều tra P, K đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Vật chứng của vụ án: Toàn bộ 30 bao hạt nhựa Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty L. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty L Việt Nam đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Anh Nguyễn Duy P và Đào Văn H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 9.700.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 27/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Đào Văn P và Bùi Quang K cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, đồng thời tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn P mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quang K với mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Về phần dân sự và xử lý vật chứng đã giải quyết xong nên đề nghị không xem xét; đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Không tranh luận về tội danh, căn cứ pháp luật áp dụng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và họ cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không làm trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng hơn 11 giờ ngày 03/01/2024, tại khu vực nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L Việt Nam, thuộc địa phận khu Tiểu Trà, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Đào Văn P và Bùi Quang K đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L Việt Nam 30 bao hạt nhựa, tổng trị giá 24.703.200 đồng. Do vậy hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 27/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần thiết phải phân hóa rõ vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Bị cáo Bùi Quang K là người đề xuất việc chiếm đoạt tài sản thông qua việc K hỏi P: “*sắp tết rồi có làm vụ lấy tiền tiêu không?*”. P hiểu ý K rủ cùng trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài nên đồng ý. P có vai trò thực hành rất tích cực trong vụ án thể hiện ở việc P chỉ cho K biết chỗ để rơ moóc để K cất giấu tài sản trộm cắp. Sau khi được K thông báo đã lấy được tài sản để vào rơ moóc, P chủ động chở toàn bộ tài sản đến cửa hàng thu mua phế liệu ở quận Hải An bán cho anh Đào Văn H được tổng số tiền 9.700.000

đồng sau đó chia nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án này là tương đương nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đến Cơ quan Công an đầu thú theo quy định của pháp luật. Đại diện bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân:

- Bị cáo Đào Văn P là người có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xét xử theo Bản án số 35/2006/HS-ST ngày 15/02/2006 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và bị tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Chống người thi hành công vụ". Theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo đã được xóa án tích. Như vậy bị cáo đã từng nhận được sự khoan hồng trong chính sách, pháp luật của Nhà nước nhưng vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức pháp luật của bị cáo còn nhiều hạn chế. Do vậy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

- Bị cáo Bùi Quang K là người có nhân thân tốt, trước đó bị cáo chưa lần nào vi phạm pháp luật, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo vừa đạt độ tuổi của người thành niên (18 năm 07 tháng 01 ngày). Do vậy nhận thức của bị cáo còn có phần non nớt, hạn chế nên cần thiết tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được hòa nhập cùng cộng đồng để tự cải tạo, lao động nuôi dưỡng bản thân, sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội. Như vậy mới phù hợp với chính sách khoan hồng, nhân đạo trong nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội được quy định tại điểm d, đ, khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân và vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo P khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử bị cáo bằng hình phạt tù và không cần thiết phải cách ly bị cáo K khỏi đời sống xã hội, xử các bị cáo ở trong mức của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự,

như mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời vừa thể hiện tính nghiêm minh, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 30 bao hạt nhựa là tài sản hợp pháp của Công ty L, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty L để làm nguyên liệu sản xuất là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty L Việt Nam đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không đề nghị các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Số tiền 9.700.000 đồng anh Phước và anh Hào dùng để mua 30 bao hạt nhựa của bị cáo P nhưng anh Phước và anh Hào đã giải quyết xong với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về việc Đào Văn P là lái xe của Công ty TNHH thương mại và vận tải T, P đã tự ý sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 15C - 182.18 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 103.83 của Công ty để chở tài sản trộm cắp đi bán, tuy nhiên Công ty không biết việc này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D không xử lý đối với Công ty là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Về hành vi của anh Nguyễn Duy P và Đào Văn H, khi mua các bao hạt nhựa của bị cáo P nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp được mà có nên không bị xử lý là phù hợp.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn P 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07 tháng 01 năm 2024 đến ngày 13 tháng 01 năm 2024).

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quang K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Bùi Quang K.

Giao bị cáo Bùi Quang K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không còn yêu cầu gì về phần dân sự đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về vật chứng: Đã xử lý xong ở giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đào Văn H và anh Nguyễn Duy P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

7. Về thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- Cơ quan THAHS-CA quận D;
- Cơ quan CSĐT- CA quận D;
- Chi cục THADS quận D;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên